

Buổi 1

Tổng quan về frontend

Mô hình client – server, vị trí của HTML, CSS, JS, JQuery, Bootstrap

HTML: *HyperText Markup Language* là những thành phần để xây dựng nên giao cho trang web. Mục đích là hiển thị văn bản, hình ảnh, video

CSS: *Cascading Style Sheet*. Nó kết hợp với HTML đều làm đẹp cho trang web

Nôm na HTML là gạch, sắt, thép để xây nhà, còn CSS là màu sơn để làm cho nhà đẹp hơn

Javascript: Mục tiêu là xử lý những thao tác trên client như kiểm tra dữ liệu hợp lý chưa, cập nhật động dữ liệu hoặc định dạng cho các phần tử của html.

Jquery là thư viện được viết trên nền tảng javascript. Giúp chúng ta thao tác dễ dàng, nhanh chóng trên các thành phần html, css. Slogan của JQuery là write less do more (viết ít làm nhiều)

Responsive: website tương thích với mọi loại trình duyệt như di động, laptop, desktop,.. Nôm na là giao diện trang web chạy mượt và đẹp trên di động, không bị vỡ trang

Bootstrap: là framework bao gồm HTML, CSS, Javascript nhằm hỗ trợ thiết kế website responsive

Khi nói style cho thẻ nào đó nghĩa là đang nói định dạng cho thẻ đó

HTML

File type là .html

Có thể dùng notepad, notepad++, sublime text , eclipse, netbeans để viết code html

Đề xuất dùng sublime text để viết code

Các versions of html

Version	Year
HTML	1991
HTML 2.0	1995
HTML 3.2	1997
HTML 4.01	1999
XHTML	2000
HTML5	2014

Versions of HTML

Cấu trúc file html

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
  <meta charset="UTF-8">
  <meta name="description" content="HTML Learning">
  <meta name="keywords" content="HTML,CSS,XML,JavaScript">
  <meta name="author" content="Loc Nguyen">
  <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-
scale=1.0">
  <title>Tiêu đề của trang</title>
</head>
<body>
  Xin chào
</body>
</html>
```

Trong đó:

Thẻ `<!DOCTYPE html>` khai báo HTML5

Thẻ `<html>` : phần tử gốc của trang HTML

The `<head>` : miêu tả thông tin của trang web

The `<title>`: miêu tả tiêu đề của trang web

Thẻ `<meta>`: miêu tả thông tin meta data (siêu dữ liệu) của trang web

The `<body>` : chứa đựng phần hiển thị của trang web

Tag:

Thẻ mở (open tag) : ví dụ <p>

Thẻ đóng (close tag): ví dụ </p>

Một element (thành phần) trong HTML sẽ thuộc 2 loại tag sau:

Có đầy đủ thẻ đóng và thẻ mở :<p>ABC</p>

*Chỉ có thẻ mở:
, <hr>, <input>. Element chỉ có thẻ mở là những element không có content(nội dung)*

Attribute (thuộc tính)

Cung cấp thông tin thêm cho element

Một số thuộc tính tiêu biểu: src, href, width, height, style, title, alt,...

Danh sách các thẻ căn bản thường dùng trong html (phần 1)

<a>, , , , <i>, <u><mark>, <sub>, <sup><h1> to <h6>, <hr>, , <input>

Thẻ <a>: Là thẻ để liên kết từ trang này đến trang khác. Có 2 loại thuộc tính hay sử dụng là target và href

Thẻ : Là thẻ in đậm

Thẻ : Là thẻ in đậm, tốt cho SEO

Thẻ : Tạo dấu gạch ngang văn bản

Thẻ <i>: Là thẻ in nghiêng văn bản

Thẻ <u>: Tạo dấu gạch dưới văn bản

Thẻ <mark>: Highlight văn bản

Thẻ <sub>: Tạo ký tự dưới dòng. Dùng cho công thức hóa học, số học

Thẻ <sup>: Tạo ký tự trên dòng. Dùng cho công thức hóa học, số học

Thẻ <h1...6>: Tạo tiêu đề, h1 có kích thước chữ lớn nhất, h6 là nhỏ nhất

Thẻ <hr>: Tạo đường ngang

Thẻ ``: Chèn hình vào trang web

Thẻ `<input>`: Cho phép nhập liệu

Thẻ `input`, thuộc tính `type` có một số giá trị như: `text`, `password`, `date`, `number`, `email`, `range`, `radio`, `checkbox`, `button`, `submit`, `reset`

Thẻ `<input>`

`type="text"`: cho phép người dùng nhập bất kỳ ký tự nào

`type="password"`: cho phép người dùng nhập password

`type="date"`: cho phép người dùng nhập ngày tháng năm

`type="number"`: chỉ cho phép người dùng nhập số. Việc kiểm tra người dùng nhập đúng định dạng số hay chưa sẽ được kiểm tra ở bước submit form

`type="email"`: chỉ cho phép người dùng nhập email. Việc kiểm tra người dùng nhập đúng định dạng email hay chưa sẽ được kiểm tra ở bước submit form

`type="range"`: tạo thanh trượt, cho phép điều chỉnh giá trị, dùng cho thể hiện âm lượng, phóng to thu nhỏ, level (trình độ tiếng anh)

`type="radio"`: dùng để tạo nút radio (nút chỉ cho phép chọn 1). Sử dụng thuộc tính `name` để tạo nhóm

`type="checkbox"`: dùng để tạo nút checkbox (nút cho phép chọn nhiều)

`type="button"`: tạo nút, không có chức năng submit form

`type="submit"`: tạo nút, đây là nút dùng để submit form. Nút này phải nằm trong form mới có thể submit

`type="reset"`: reset lại toàn bộ input trong form

Với Radio, checkbox, mặc định được chọn thì dùng thuộc tính đơn: `checked`